

Số: 05/2026/QĐST-LĐ

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Đào

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2026/TLST-VLĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2026/QĐST-VLĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Chị Đoàn Thị T, sinh ngày 05/4/1988. Căn cước công dân: 030188021730. Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Đoàn Thị L, sinh ngày 16/6/1993. Căn cước công dân: 030193014777. Địa chỉ: thôn K, phường T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2.2. Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: KCN T, xã M, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông TSUZURANUKI HIROSHI. Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990. Chức vụ: Quản lý bộ phận hành chính nhân sự. Căn cước công dân: 027190000241. Địa chỉ: khu G, phường L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2.3. Bảo hiểm xã hội cơ sở C Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Quốc M. Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu chị Đoàn Thị T trình bày:*

Chị và chị Đoàn Thị L có mối quan hệ họ hàng. Năm 2009 chị L có nguyện vọng ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ (viết tắt Công ty Đ) nhưng chưa đủ tuổi ký hợp đồng. Chị L đã mượn chứng minh thư nhân dân số 142221814 của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty Đ. Chị đồng ý cho mượn vì thời gian này chị đang đi học chưa tham gia hợp đồng lao động với công ty nào. Chị L đi làm việc tại Công ty Đ với danh nghĩa tên của chị (Đoàn Thị T). Chị L làm việc tại Công ty Đ từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2011. Công ty Đ có đóng bảo hiểm xã hội cho chị L nhưng lấy tên chị với số sổ 3009068135. Tháng 3/2010 chị tham gia lao động tại Công ty cổ phần T2 tại Hải Dương, công ty cũng đóng bảo hiểm xã hội cho chị với mã số bảo hiểm 3010001270 mang tên chị. Chính vì vậy mà chị có 02 sổ bảo hiểm xã hội gồm mã số 3009068135 và mã số 3010001270. Việc chị L mượn căn cước công dân của chị tham gia lao động và đóng bảo hiểm xã hội dưới tên của chị đã làm ảnh hưởng đến việc chốt thời gian bảo hiểm của chị. Do quyền và lợi ích hợp pháp của chị bị xâm phạm nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ và chị Đoàn Thị T (do chị Đoàn Thị L ký) vô hiệu. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quan điểm của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Đoàn Thị L trình bày: Vào tháng 10/2009, chị có mượn chứng minh thư nhân dân của chị Đoàn Thị T để ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ. Chị làm việc tại công ty được 01 năm 06 tháng thì chị nghỉ việc. Khi nghỉ việc chị cũng không nộp đơn xin nghỉ mà đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Do chị đơn phương chấm dứt hợp đồng với Công ty nên Công ty có ban hành quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động với chị hay không chị không nắm được. Chị không giữ được hợp đồng lao động nên chị không cung cấp được cho Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011 chị lao động tại Công ty Đ nhưng dưới tên chị T thì Công ty có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chị. Số sổ bảo hiểm mà chị được cấp là 3009068135. Số sổ bảo hiểm trên thực tế mang tên chị T nhưng do chị là người lao động và công ty đóng bảo hiểm cho chị. Sau khi chị chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty Đ chị đi làm Công ty khác và được cấp số sổ bảo hiểm khác đúng tên của chị. Số sổ bảo hiểm 3009068135 chị không quan tâm vì nó không phải là của chị và chị cũng chỉ đóng bảo hiểm 01 năm 06 tháng dưới số sổ bảo hiểm này. Chính vì chị mượn chứng minh thư nhân dân của chị T dẫn đến chị T tồn tại 02 số sổ bảo hiểm. Chị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động mang tên chị T nhưng do chị là người trực tiếp ký và tham gia lao động với Công ty Đ vô hiệu, chị hoàn toàn nhất trí. Sau khi chị chấm dứt

hợp đồng lao động dưới tên chị T với Công ty Đ chị cũng không sử dụng số sổ bảo hiểm 3009068135 để thanh toán các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Chị được Toà án giải thích về quyền lợi của chị trong thời gian chị tham gia đóng bảo hiểm xã hội nhưng chị tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết tiền thoái thu bảo hiểm cũng như các quyền lợi khác liên quan đến bảo hiểm. Chị đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T để đảm bảo quyền lợi cho chị T.

+ Quan điểm của Công ty Đ: Công ty đã tiến hành rà soát các tài liệu còn lưu trữ tại Công ty thì Công ty không còn tài liệu lưu trữ dữ liệu liên quan đến hợp đồng lao động giữa chị Đoàn Thị T và Công ty vào năm 2009. Trên cơ sở ghi chú của sổ bảo hiểm mang tên chị T thì Công ty khẳng định có ký hợp đồng lao động với chị Đoàn Thị T. Công việc của chị T là công nhân. Do thời gian đã lâu Công ty không còn hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án. Trong khoảng thời gian chị T tham gia lao động, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho chị T từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011 theo mức lương cơ bản mà công ty và người lao động đã ký kết.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên tham gia ký kết hoàn toàn tự nguyện, trung thực, công ty không biết người trực tiếp ký kết hợp đồng không phải là chị Đoàn Thị T, sinh năm 1988 theo chứng minh thư nhân dân. Tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với chị T nhưng thực tế là chị L, Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các chế độ cho chị L, không còn vướng mắc gì. Đối với yêu cầu của chị Đoàn Thị T đề nghị Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Đoàn Thị T (thực tế là chị Đoàn Thị L) với Công ty V. Công ty hoàn toàn nhất trí. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với khoản tiền thoái thu bảo hiểm, công ty yêu cầu cơ quan bảo hiểm phải thanh toán khoản tiền này cho Công ty. Sau khi nhận được tiền thoái thu bảo hiểm theo quy định, công ty sẽ liên hệ và giải quyết với chị Đoàn Thị L để đảm bảo quyền lợi chung của Công ty cũng như chị L.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở C1 trình bày: Căn cứ vào dữ liệu quản lý của C2, Bảo hiểm xã hội cơ sở C1 cung cấp quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của chị Đoàn Thị T, sinh ngày 05/4/1988, tại số sổ BHXH 3009068135 cụ thể như sau:

Từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2009 lao động tại Công ty Đ mức tiền lương 1.020.000đ. Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2010 lao động tại Công ty Đ với mức lương 1.120.000đ. Từ tháng 01/2011 lao động tại Công ty Đ với mức lương 1.800.000đ.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội cơ sở Cẩm Giàng về nội dung chị T đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu do chị L đã lấy hồ sơ tư pháp

của chị T để ký kết Hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty Đ như sau: Việc mượn hồ sơ để tham gia chế độ BHXH là hành vi vi phạm pháp luật. Đề nghị Tòa án căn cứ đúng quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền. Trường hợp Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động thì số tiền cơ quan bảo hiểm thoái thu trả lại Công ty là: 5.194.800đ

*Tại phiên họp:* Người yêu cầu giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng xác định Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng: **Áp dụng 370, 401, 402 BLTTDS; Điều 122, 132, 137 BLDS năm 2005; Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Đoàn Thị T. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Đoàn Thị L (người ký hợp đồng tên Đoàn Thị T) với công ty TNHH Đ (theo sổ bảo hiểm xã hội số 3009068135) vô hiệu. Bảo hiểm xã hội cơ sở C1 hoàn trả tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty Đ số tiền 5.194.800đ. Về lệ phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ lệ phí việc lao động.**

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Đ có trụ sở tại KCN T, xã M, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 12 – Hải Phòng theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ với chị Đoàn Thị T (do chị Đoàn Thị L ký) vô hiệu: Tòa án nhận định. Mặc dù, quá trình giải quyết việc lao động thì người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động ký kết giữa chị T (do chị L ký) với Công ty TNHH Đ nhưng căn cứ lời khai người yêu cầu, người liên quan và đặc biệt là chứng cứ do Bảo hiểm xã hội cung cấp thì Tòa án có đủ căn

cứ xác định: Tháng 10 năm 2009, chị Đoàn Thị L đã mượn hồ sơ pháp lý của chị Đoàn Thị T để tham gia ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ. Người đứng tên trên hợp đồng là chị T nhưng người tham gia lao động trực tiếp tại Công ty lại là chị L. Công ty sử dụng lao động không phát hiện ra. Hành vi trên của chị L được xác định là giả mạo khi giao kết hợp đồng lao động. Đến thời điểm này chị L và chị T vẫn thừa nhận sự việc trên, sự thừa nhận của các chị phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập nên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Đoàn Thị T (do chị L ký) và Công ty TNHH Đ vô hiệu của chị T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

- Chị Đoàn Thị L và chị Đoàn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Xét việc không yêu cầu của hai chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

- Đối với số tiền thoái thu bảo hiểm mà Công ty TNHH Đ đã đóng bảo hiểm cho chị L (mượn tên chị T). Công ty TNHH Đ yêu cầu cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở C1 phải hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm xã hội. Theo tài liệu cung cấp của cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở C1 thì số tiền thoái thu bảo hiểm là 5.194.800 đồng. Số tiền này do Công ty TNHH Đ đóng cho chị L, Công ty Y cơ sở Cẩm Giàng tất toán số tiền trên trả Công ty. Xét yêu cầu của Công ty là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận. Trong tổng số tiền 5.194.800đ thoái thu bảo hiểm, số tiền này của Công ty và của người lao động là chị L nên khi Công ty được tất toán khoản tiền trên thì Công ty phải có trách nhiệm thanh toán cho chị L, trừ trường hợp chị L không yêu cầu.

[3]. Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Bộ luật lao động năm 1994; Điều 52 Bộ luật lao động 2012; Điều 15, 16, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Đoàn Thị T. Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH Đ với người lao động chị Đoàn

Thị L (do chị Đoàn Thị L ký tên chị Đoàn Thị T trong hợp đồng với số sổ bảo hiểm 3009068135) vô hiệu toàn bộ.

2. Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Đối với số tiền thoái thu bảo hiểm là 5.194.800đ. Buộc Bảo hiểm xã hội cơ sở C1 có trách nhiệm thoái thu số tiền 5.194.800đ cho Công ty TNHH Đ. (Công ty TNHH Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền thoái thu theo tỷ lệ cho chị Đoàn Thị L khi chị L có yêu cầu).

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0003417 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: **Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết. Viện** kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Viện kiểm sát thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Thị Đào**

